

Số: 360 /TB-THQT

Uông Bí, ngày 06 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai thực hiện chế độ chính sách Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031.

Căn cứ Nghị quyết 90/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ công văn số 456/SGDDT, ngày 05/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND phường Uông Bí "Về việc cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND";

Trường TH Quang Trung, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thông báo công khai thực hiện chế độ hỗ trợ chính sách Hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND, như sau:

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền ăn theo NQ 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh	69.950.000	
2	Hỗ trợ CPHT theo NQ 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh	41.250.000	
	Cộng	111.200.000	

Thời gian công khai: 90 ngày, kể từ ngày 06/8/2026 đến hết ngày 07/11/2026.

Trên đây là thông báo công khai thực hiện chế độ chính sách Hỗ trợ tiền ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND của trường TH Quang Trung.

Nơi nhận:

- Bảng tin, Webside trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huyền

Mã số

Ngày ký: 07/08/2026 16:08:36
Chức danh: Trưởng phòng
H20 vj 166569_281200181
Số 14
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 13

Ký hiệu C2-02a/NS

Số: 139/ 260806_1166569_2812003

Năm NS: 2026

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán tạm cấp ☐
Dự toán chính thức ☒

Thực chi ☒
Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒
Tiền mặt ☐

Đơn vị rút dự toán: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Mã chương: 822

Địa chỉ: Tổ 12 B, khu phố Quang Trung 4, phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.4.1166569

Tại KBNN: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Tên chương trình mục tiêu, dự án: . Mã chương trình mục tiêu, dự án:

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số ngày... tháng ... năm ...

Hợp đồng/Quyết định (hỗ trợ, trợ cấp, đặt hàng, giao nhiệm vụ) số: 315/QĐ-THQT ngày 03 tháng 08 năm 2026, tổng số tiền: 41.250.000 ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Quy định về mức tạm ứng tại Hợp đồng/Quyết định (đặt hàng, giao nhiệm vụ):

Văn bản/Biên bản nghiệm thu số ngày... tháng ... năm ..., tổng số tiền: ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Nội dung thanh toán chung: Chuyển tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho học sinh thuộc đối tượng theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND

Nội dung thanh toán	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Tổng số tiền
	Số	Ngày	Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Chuyển tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho học sinh thuộc đối tượng theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND; QĐ số 315/QĐ-THQT ngày 03/8/2026 của trường TH Quang Trung			139	06/08/2026	6157	072	12	41.250.000
Tổng cộng								41.250.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Đơn vị, cá nhân nhận tiền: Trường tiểu học Quang Trung

Mã số thuế:

Tài khoản: 8622608888

Tại Kho bạc Nhà nước/ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền mặt:

Số Căn cước công dân/căn cước:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Mã địa bàn hành chính:

Tên ngân hàng/Kho bạc Nhà nước

nơi nhận tiền mặt:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Thu Hà
Ngày ký: 06/08/2026 14:37:13
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Thu Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Huyền
Ngày ký: 06/08/2026 14:48:04
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Huyền

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 07 tháng 08 năm 2026

Thủ quỹ

Kế toán

Kiểm soát

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 07/08/2026 13:42:09
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Thị Thanh
Hiền

Lãnh đạo KBNN nơi giao dịch

Người ký: Vũ Văn Sáu
Ngày ký: 07/08/2026 14:08:34
Chức danh: Giám đốc
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Văn Sáu

Mã số

Ngày ký: 07/08/2026 15:39:17
Chức danh: Trưởng phòng
Số 14
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 13

Ký hiệu C2-02a/NS

Số: 140/ 260806_1166569_2812004

Năm NS: 2026

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán tạm cấp ☐
Dự toán chính thức ☒

Thực chi ☒
Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒
Tiền mặt ☐

Đơn vị rút dự toán: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Mã chương: 822

Địa chỉ: Tổ 12 B, khu phố Quang Trung 4, phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.4.1166569

Tại KBNN: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Tên chương trình mục tiêu, dự án: . Mã chương trình mục tiêu, dự án:

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số ngày... tháng ... năm ...

Hợp đồng/Quyết định (hỗ trợ, trợ cấp, đặt hàng, giao nhiệm vụ) số: 315/QĐ-THQT ngày 03 tháng 08 năm 2026, tổng số tiền: 69.950.000 ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Quy định về mức tạm ứng tại Hợp đồng/Quyết định (đặt hàng, giao nhiệm vụ):

Văn bản/Biên bản nghiệm thu số ngày... tháng ... năm ..., tổng số tiền: ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Nội dung thanh toán chung: Chuyển tiền hỗ trợ tiền ăn trưa HK II năm học 2025-2026 cho học sinh tiểu học thuộc đối tượng theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND

Nội dung thanh toán	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Tổng số tiền
	Số	Ngày	Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Chuyển tiền hỗ trợ tiền ăn trưa HK II năm học 2025-2026 cho học sinh tiểu học thuộc đối tượng theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND; QĐ số 315/QĐ-THQT ngày 03/8/2026 của trường TH Quang Trung			140	06/08/2026	6199	072	12	69.950.000
Tổng cộng								69.950.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị, cá nhân nhận tiền: Trường tiểu học Quang Trung

Mã số thuế: 5701298922

Tài khoản: 8622608888

Tại Kho bạc Nhà nước/ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền mặt:

Số Căn cước công dân/căn cước:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Mã địa bàn hành chính:

Tên ngân hàng/Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền mặt:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Thu Hà
Ngày ký: 06/08/2026 14:38:35
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Thu Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Huyền
Ngày ký: 06/08/2026 14:48:14
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Huyền

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 07 tháng 08 năm 2026

Thủ quỹ

Kế toán

Kiểm soát

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 07/08/2026 13:42:28
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Thị Thanh
Hiền

Lãnh đạo KBNN nơi giao dịch

Người ký: Vũ Văn Sáu
Ngày ký: 07/08/2026 14:10:28
Chức danh: Giám đốc
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Văn Sáu

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĂN TRƯA
THEO NGHỊ QUYẾT 93/2025/NQ-HĐND

NĂM HỌC 2025 - 2026 (Từ tháng 01 đến tháng 5/2026)

TT	Tên học sinh	Lớp	Hỗ trợ tiền ăn trưa								Thuộc đối tượng
			Số buổi ăn tháng 01	Số buổi ăn tháng 02	Số buổi ăn tháng 03	Số buổi ăn tháng 04	Số buổi ăn tháng 05	Tổng số buổi ăn	Đơn giá/buổi ăn	Tổng tiền	
1	Trần Thảo Vy	1A1						0	25.000	-	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
2	Đỗ Vũ Nhật Anh	1A2	15	8	16	15	14	68	25.000	1.700.000	Bố bị tai nạn lao động
3	Hoàng Ngọc Nam	1A2	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bố đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động
4	Phạm Thái Hoàng	1A3	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật trí tuệ
5	Đặng Minh Khang	1A6						0	25.000	-	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
6	Bản Đăng Khoa	1A8	16	7	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Hộ nghèo
7	La Huyền Chinh	1A9	14	6	14	15	12	61	25.000	1.525.000	Khuyết tật
8	Phạm Thùy Linh	1A11						0	25.000	-	Bố bị tai nạn lao động
9	Hoàng Minh Trang	2A1						0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ
10	Đặng Ngọc Khánh Đan	2A3	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bố là thương binh
11	Nguyễn Hà Bảo Hân	2A5						0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ
12	Nguyễn Ngọc Lan	2A6	15	7	15	16	12	65	25.000	1.625.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần
13	Giảng Thị Kim Ngân	2A6	15	4	16	16	13	64	25.000	1.600.000	Hộ cận nghèo
14	Lê Nguyễn Tú Quyên	2A6	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
15	Vũ Khánh Huy	2A7	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật trí tuệ, khác
16	Lê Phương Linh	2A8	16	8	16	16	13	69	25.000	1.725.000	Bố bị tai nạn lao động
17	Đoàn Gia Hưng	2A9						0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ

TT	Tên học sinh	Lớp	Hỗ trợ tiền ăn trưa							Đơn giá/buổi ăn	Tổng tiền	Thuộc đối tượng
			Số buổi ăn tháng 01	Số buổi ăn tháng 02	Số buổi ăn tháng 03	Số buổi ăn tháng 04	Số buổi ăn tháng 05	Tổng số buổi ăn				
18	Hoàng Đức Đăng Khôi	3A1	15	7	16	16	13	67	25.000	1.675.000	Bổ bị tai nạn lao động	
19	Bùi Xuân Thắng	3A4	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ	
20	Phạm Thị Khánh Chi	3A4	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị tai nạn lao động	
21	Nguyễn Thiện Nhân	3A4						0	25.000	-	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ	
22	Nguyễn Bá Bảo Khánh	3A7	16	7	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Khuyết tật trí tuệ	
23	Võ Anh Kiệt	3A8	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật trí tuệ	
24	Nguyễn Ngọc Hải	3A9	14	8	16	15	13	66	25.000	1.650.000	Khuyết tật trí tuệ	
25	Đoàn Huyền Thảo	4A1	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị bệnh nghề nghiệp	
26	Hoàng Thị Phương Thảo	4A2	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động	
27	Nguyễn Công Vinh	4A4	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật tâm thần, trí tuệ	
28	Vũ Quang Huy	4A5						0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ	
29	Hoàng Gia Bảo	4A5						0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ	
30	Bàn Thị Minh Ngọc	4A7	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Hộ nghèo	
31	Mai Hải Phong	4A8						0	25.000	-	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ	
32	Phạm Kim Ngân	4A8	15	8	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Bổ bị bệnh nghề nghiệp	
33	Trần Minh Lâm	4A9	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	
34	Nguyễn Phương Oanh	4A9	16	4	16	10	13	59	25.000	1.475.000	Bổ bị tai nạn lao động	
35	Nguyễn Vũ Đăng Quang	4A9	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị tai nạn lao động	
36	Phạm Thị Linh Phan	5A1	15	8	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Bổ bị tai nạn lao động	
37	Nguyễn Hải Phong	5A2	16	8	16	16	12	68	25.000	1.700.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ	
38	Phạm Huy Hoàng	5A2	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị bệnh nghề nghiệp	
39	Đào Quang Tuấn	5A2	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị bệnh nghề nghiệp	
40	Phạm Thành Đạt	5a3	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bổ bị tai nạn lao động	

TT	Tên học sinh	Lớp	Hỗ trợ tiền ăn trưa								Thuộc đối tượng
			Số buổi ăn tháng 01	Số buổi ăn tháng 02	Số buổi ăn tháng 03	Số buổi ăn tháng 04	Số buổi ăn tháng 05	Tổng số buổi ăn	Đơn giá/buổi ăn	Tổng tiền	
41	Trương Tiến Đạt	5a3	16	8	16	16	13	69	25.000	1.725.000	Bồ bị tai nạn lao động
42	Đỗ Duy Kiên	5A4	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bồ đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động
43	Phạm Minh Đức B	5A4	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bồ đang hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp
44	Dương Mạnh Vinh	5A5	0					0	25.000	-	Khuyết tật trí tuệ, khác
45	Ngô Phương Thảo	5A6	16	8	16	16	13	69	25.000	1.725.000	Khuyết tật trí tuệ
46	Giàng Mạnh Tuấn	5A6	16	4	16	16	13	65	25.000	1.625.000	Khuyết tật trí tuệ
47	Nguyễn Gia Bách	5A7						0	25.000	-	Khuyết tật
48	Nguyễn Trần Diệp Chi	5A7	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Khuyết tật
49	Phạm Anh Thư	5A9	16	7	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Khuyết tật
50	Bùi Duy Khánh	5A9	16	8	16	16	14	70	25.000	1.750.000	Bồ bị tai nạn lao động
51	Trần Đức Kiên	5A10	15	8	16	16		55	25.000	1.375.000	Bồ bị tai nạn lao động
52	Vũ Quang Lam	5A10						0	25.000	-	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ
53	Đinh Kim Cúc	5A10						0	25.000	-	Khuyết tật vận động
54	Dương Hà Minh Hải	5A11	16	7	16	16	14	69	25.000	1.725.000	Khuyết tật trí tuệ
55	Đoàn Tố Như	5A11	16	8	16	16	13	69	25.000	1.725.000	Bồ bị tai nạn lao động
	Tổng cộng		645	308	653	647	545	2798		69.950.000	

KẾ TOÁN

Handwritten signature

Nguyễn Thị Thu Hà

Uông Bí, ngày 05 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Handwritten signature

Nguyễn Thị Huyền

Mã số

Ngày ký: 01/08/2026 15:08:36
Chức danh: Trưởng phòng
H26 166569_2812003
Số 14
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 13

Ký hiệu C2-02a/NS

Số: 139/ 260806_1166569_2812003

Năm NS: 2026

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán tạm cấp ☐
Dự toán chính thức ☒

Thực chi ☒
Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒
Tiền mặt ☐

Đơn vị rút dự toán: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Mã chương: 822

Địa chỉ: Tổ 12 B, khu phố Quang Trung 4, phường Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.4.1166569

Tại KBNN: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Tên chương trình mục tiêu, dự án: . Mã chương trình mục tiêu, dự án:

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số ngày... tháng ... năm ...

Hợp đồng/Quyết định (hỗ trợ, trợ cấp, đặt hàng, giao nhiệm vụ) số: 315/QĐ-THQT ngày 03 tháng 08 năm 2026, tổng số tiền: 41.250.000 ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Quy định về mức tạm ứng tại Hợp đồng/Quyết định (đặt hàng, giao nhiệm vụ):

Văn bản/Biên bản nghiệm thu số ngày... tháng ... năm ..., tổng số tiền: ký với đơn vị/tổ chức/cá nhân:

Nội dung thanh toán chung: Chuyển tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho học sinh thuộc đối tượng theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND

Nội dung thanh toán	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Tổng số tiền
	Số	Ngày	Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Chuyển tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2025-2026 cho học sinh thuộc đối tượng theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND; QĐ số 315/QĐ-THQT ngày 03/8/2026 của trường TH Quang Trung			139	06/08/2026	6157	072	12	41.250.000
Tổng cộng								41.250.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Đơn vị, cá nhân nhận tiền: Trường tiểu học Quang Trung

Mã số thuế:

Tài khoản: 8622608888

Tại Kho bạc Nhà nước/ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền mặt:

Số Căn cước công dân/căn cước:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Nợ tài khoản:

Có tài khoản:

Mã địa bàn hành chính:

Tên ngân hàng/Kho bạc Nhà nước

nơi nhận tiền mặt:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Thu Hà
Ngày ký: 06/08/2026 14:37:13
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Thu Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Huyền
Ngày ký: 06/08/2026 14:48:04
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Nguyễn Thị Huyền

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 07 tháng 08 năm 2026

Thủ quỹ

Kế toán

Kiểm soát

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 07/08/2026 13:42:09
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Thị Thanh
Hiền

Lãnh đạo KBNN nơi giao dịch

Người ký: Vũ Văn Sáu
Ngày ký: 07/08/2026 14:08:34
Chức danh: Giám đốc
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 14

Vũ Văn Sáu

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG**DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 93/2025/NQ-HĐND****NĂM HỌC 2025 - 2026 (Từ tháng 01 đến tháng 5/2026)**

TT	Tên học sinh	Lớp	Tiền hỗ trợ chi phí học tập			Thuộc đối tượng
			Số tháng	Tiền/tháng	Tổng tiền	
1	Trần Thảo Vy	1A1	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
2	Đỗ Vũ Nhật Anh	1A2	5	150.000	750.000	Bồ bị tai nạn lao động
3	Hoàng Ngọc Nam	1A2	5	150.000	750.000	Bồ đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động
4	Phạm Thái Hoàng	1A3	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
5	Đặng Minh Khang	1A6	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
6	Bàn Đăng Khoa	1A8	5	150.000	750.000	Hộ nghèo
7	La Huyền Chinh	1A9	5	150.000	750.000	Khuyết tật
8	Phạm Thùy Linh	1A11	5	150.000	750.000	Bồ bị tai nạn lao động
9	Hoàng Minh Trang	2A1	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
10	Đặng Ngọc Khánh Đan	2A3	5	150.000	750.000	Bồ là thương binh
11	Nguyễn Hà Bảo Hân	2A5	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
12	Nguyễn Ngọc Lan	2A6	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần
13	Giàng Thị Kim Ngân	2A6	5*	150.000	750.000	Hộ cận nghèo
14	Lê Nguyễn Tú Quyên	2A6	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
15	Vũ Khánh Huy	2A7	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ, khác
16	Lê Phương Linh	2A8	5	150.000	750.000	Bồ bị tai nạn lao động
17	Đoàn Gia Hưng	2A9	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
18	Hoàng Đức Đăng Khôi	3A1	5	150.000	750.000	Bồ bị tai nạn lao động
19	Bùi Xuân Thắng	3A4	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
20	Phạm Thị Khánh Chi	3A4	5	150.000	750.000	Bồ bị tai nạn lao động
21	Nguyễn Thiện Nhân	3A4	5	150.000	750.000	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ
22	Nguyễn Bá Bảo Khánh	3A7	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
23	Võ Anh Kiệt	3A8	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
24	Nguyễn Ngọc Hải	3A9	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
25	Đoàn Huyền Thảo	4A1	5	150.000	750.000	Bồ bị bệnh nghề nghiệp
26	Hoàng Thị Phương Thảo	4A2	5	150.000	750.000	Bồ đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động
27	Nguyễn Công Vinh	4A4	5	150.000	750.000	Khuyết tật tâm thần, trí tuệ
28	Vũ Quang Huy	4A5	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
29	Hoàng Gia Bảo	4A5	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
30	Bàn Thị Minh Ngọc	4A7	5	150.000	750.000	Hộ nghèo
31	Mai Hải Phong	4A8	5	150.000	750.000	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ
32	Phạm Kim Ngân	4A8	5	150.000	750.000	Bồ bị bệnh nghề nghiệp
33	Trần Minh Lâm	4A9	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần

	Tên học sinh	Lớp	Tiền hỗ trợ chi phí học tập			Thuộc đối tượng
			Số tháng	Tiền/tháng	Tổng tiền	
34	Nguyễn Phương Oanh	4A9	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
35	Nguyễn Vũ Đăng Quang	4A9	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
36	Phạm Thị Linh Phan	5A1	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
37	Nguyễn Hải Phong	5A2	5	150.000	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần, trí tuệ
38	Phạm Huy Hoàng	5A2	5	150.000	750.000	Bố bị bệnh nghề nghiệp
39	Đào Quang Tuấn	5A2	5	150.000	750.000	Bố bị bệnh nghề nghiệp
40	Phạm Thành Đạt	5a3	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
41	Trương Tiến Đạt	5a3	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
42	Đỗ Duy Kiên	5A4	5	150.000	750.000	Bố đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động
43	Phạm Minh Đức	5A4	5	150.000	750.000	Bố đang hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp
44	Dương Mạnh Vinh	5A5	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ, khác
45	Ngô Phương Thảo	5A6	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
46	Giàng Mạnh Tuấn	5A6	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
47	Nguyễn Gia Bách	5A7	5	150.000	750.000	Khuyết tật
48	Nguyễn Trần Diệp Chi	5A7	5	150.000	750.000	Khuyết tật
49	Phạm Anh Thư	5A9	5	150.000	750.000	Khuyết tật
50	Bùi Duy Khánh	5A9	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
51	Trần Đức Kiên	5A10	5*	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
52	Vũ Quang Lam	5A10	5	150.000	750.000	Khuyết tật nghe nói, trí tuệ
53	Đinh Kim Cúc	5A10	5	150.000	750.000	Khuyết tật vận động
54	Dương Hà Minh Hải	5A11	5	150.000	750.000	Khuyết tật trí tuệ
55	Đoàn Tố Như	5A11	5	150.000	750.000	Bố bị tai nạn lao động
Tổng cộng					41.250.000	

Uông Bí, ngày 05 tháng 8 năm 2026

KẾ TOÁN

Ha

Nguyễn Thị Thu Hà

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]
Nguyễn Thị Huyền